

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/ HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 6 năm 2020

*V/v tranh chấp xin ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà **Khuru Liên Dung**

2- Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Thị Kiều Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*  
Bà **Dương Thị Tiểu My** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Việt H**, sinh năm 1969; Trú tại: Số 4/33, khóm 5, phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tạm trú tại: Số 20, khóm 2, phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà **Tô Ngọc T**, sinh năm 1969; Trú tại: Số 4/33, khóm 5, phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông H và bà T có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Việt H là nguyên đơn trong vụ án trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Tô Ngọc T sống chung với nhau vào năm 1992 và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bạc Liêu vào ngày 31/5/2004. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống

hạnh phúc, khoảng một năm trở lại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà T không tôn trọng ông hay quản lý xét nét ông đi đâu làm gì. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân khoảng 09 tháng nay. Do đó, ông xin ly hôn với bà Tô Ngọc T.

- Về con chung: Ông H xác định trong thời gian chung sống ông và bà T có 02 con chung là chị Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 03/01/1993 và anh Nguyễn Việt T, sinh ngày 14/4/1999. Khi ly hôn Ông H xác định không yêu cầu giải quyết về con chung do các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường.

- Về tài sản chung: Ông và bà T thống nhất tự thỏa thuận về vấn đề tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống ông và bà T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, bà Tô Ngọc T là bị đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Việt H có tổ chức lễ cưới hỏi và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đến khoảng tháng 9/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì Ông H không lo cuộc sống gia đình, bà và Ông H đã sống ly thân khoảng 09 tháng nay. Nay Ông H yêu cầu xin ly hôn với bà thì bà không đồng ý ly hôn, bà yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và Ông H có 02 con chung là chị Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 03/01/1993 và anh Nguyễn Việt T, sinh ngày 14/4/1999 do các con hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Bà và Ông H thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống bà và Ông H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*\* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Ông H và bà T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông H và bà T đều xác định có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng từ tháng 09/2019 và vợ chồng đã sống ly thân khoảng 05 tháng nay. Nay Ông H xin ly hôn, bà T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ông H xin ly hôn với bà T.

+ Về con chung: Ông H và bà T thống nhất xác định quá trình chung sống, ông bà có hai con chung là chị Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 03/01/1993 và anh Nguyễn Việt T, sinh ngày 14/4/1999. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường Ông H và bà T không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Do Ông H và bà T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

+ Về nợ chung: Không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Việt H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là bà Tô Ngọc T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà T, hiện đang cư trú tại số 4/33, khóm 5, phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Việt H và bà Tô Ngọc T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1992, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân của Ông H và bà T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông H và bà T đều thống nhất xác định giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ tháng 9/2019 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân bà T cũng không có bất cứ động thái nào để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, tuy bà T không đồng ý ly hôn nhưng Ông H kiên quyết ly hôn với bà T do không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với bà T.

Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa Ông H và bà T là có xảy ra trên thực tế và không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H, xử cho Ông H được ly hôn với bà T.

[3] Về con chung: Ông H và bà T thống nhất xác định quá trình chung sống, ông bà có hai con chung là chị Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 03/01/1993 và anh Nguyễn Việt T, sinh ngày 14/4/1999. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường, Ông H và bà T không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông H, bà T thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông H, bà T thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông H yêu cầu ly hôn với bà T nên Ông H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

Trên cơ sở phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1/. Về hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Việt H được ly hôn với bà Tô Ngọc T.

2/. Về con chung: Ông H và bà T thống nhất xác định quá trình chung sống, ông bà có hai con chung là chị Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 03/01/1993 và anh Nguyễn Việt T, sinh ngày 14/4/1999. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường Ông H và bà T không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung: Ông H và bà T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

4/. Về án phí: Ông Nguyễn Việt H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006534 ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, nay được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### **Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP B;
- THA TP B;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

**Tăng Trần Quỳnh Phương**